

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGÔN NGỮ CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ QUA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC NGỮ VĂN

Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An

Ngày nhận bài: 11/06/2018; ngày sửa chữa: 04/07/2018; ngày duyệt đăng: 31/07/2018.

Abstract: Experiential learning is one of effective forms of integrated teaching for enhancing and developing the specific capabilities of the Literature subject. On the basis of the language proficiency requirements for junior high school students in accordance with the Draft of the New General Curriculum of Literature and the characteristics of experiential learning, the paper proposes the directions to develop language ability for secondary school students through experiential learning to assist teachers in teaching and evaluating.

Keywords: Development, language ability, experiential learning, Literature, secondary school.

1. Mở đầu

Ngữ văn là môn học quan trọng trong việc đào tạo con người. Ngữ văn không chỉ là bộ môn bồi dưỡng trí tuệ, tâm hồn, nhân cách cho học sinh (HS) mà còn là phương tiện để học tốt các bộ môn khác.

Với tư cách là môn học công cụ, nội dung chương trình môn Ngữ văn liên quan tới nhiều môn học và hoạt động giáo dục khác như *Lịch sử, Địa lí, Nghệ thuật, Đạo đức, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ, Tự nhiên và Xã hội, hoạt động trải nghiệm* (HĐTN). Nội dung cơ bản nhất của môn học bao gồm các mạch kiến thức và kỹ năng cơ bản, thiết yếu về văn học và tiếng Việt, đáp ứng các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực (NL) của HS từng cấp học.

Bài viết đề cập những yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ (NLNN) của HS ở chương trình Ngữ văn trung học cơ sở, từ đó phân tích những đặc trưng của HĐTN trong môn Ngữ văn - cơ sở để triển khai các HĐTN phù hợp và hướng phát triển NLNN cho HS thông qua tổ chức HĐTN.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Yêu cầu cần đạt đối với học sinh về năng lực ngôn ngữ ở chương trình Ngữ văn trung học cơ sở

Mục tiêu của chương trình phổ thông môn Ngữ văn hiện nay là: “tiếp tục phát triển NLNN đã hình thành ở cấp tiểu học... Kết thúc cấp trung học cơ sở (THCS), HS biết đọc hiểu dựa trên kiến thức đầy đủ hơn, sâu hơn về văn học và tiếng Việt, cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân; biết viết các kiểu loại văn bản (tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng) đúng quy cách, quy trình; biết trình bày dễ hiểu, mạch lạc các ý tưởng và cảm xúc; nói rõ ràng, đúng trọng tâm, có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; biết nghe hiểu với thái độ phù hợp và phản hồi hiệu quả” [1; tr 7]. Yêu cầu cần đạt về NLNN ở chương trình Ngữ văn THCS là:

- *Về kỹ năng đọc:* Chương trình tiếp tục phát triển yêu cầu đọc đúng, đọc diễn cảm, đọc hiểu có cơ sở lí tính nhiều hơn so với tiểu học, dựa trên kiến thức đầy đủ hơn và sâu hơn về văn học, giao tiếp và tiếng Việt, cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân. Yêu cầu chung về đọc đối với cấp THCS là hiểu các nội dung tường minh và/hoặc hàm ẩn của các kiểu loại văn bản (văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin), bước đầu biết phân tích và đánh giá nội dung, ý nghĩa của các kiểu loại văn bản đó; nhận biết, phân tích, đánh giá được những đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản; biết cách liên hệ, mở rộng, so sánh văn bản này với văn bản khác và với những trải nghiệm cuộc sống của cá nhân; từ đó có cách nhìn, cách nghĩ và những cảm nhận riêng về vẻ đẹp của cuộc sống, làm giàu cho đời sống tinh thần; thấy được tác động của văn học với đời sống của bản thân; có hứng thú đọc và biết cách tìm tài liệu đọc để đáp ứng nhu cầu hiểu biết, giải trí, phát triển và nhu cầu giải quyết những vấn đề đặt ra trong học tập và cuộc sống của bản thân. Biết cách tìm kiếm, đọc và xử lí thông tin trong các văn bản điện tử. Việc phân tích, đánh giá hình thức biểu đạt của văn bản chủ yếu nhằm phục vụ cho hoạt động viết và nói.

- *Về kỹ năng viết:* Chương trình yêu cầu HS viết được các kiểu văn bản với mức độ cao hơn cấp tiểu học, cụ thể là: + Viết được văn bản tự sự kể lại một cách sáng tạo những câu chuyện đã đọc; những điều đã chứng kiến, tham gia; những câu chuyện tự tưởng tượng có kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm; + Viết được văn bản biểu cảm thể hiện cảm nhận về tác phẩm văn học (phản hồi văn học); làm được một số câu thơ có ý, có vần, có hình ảnh; viết được bài tùy bút; + Viết được văn bản nghị luận về những vấn đề cần thể hiện suy nghĩ và chủ kiến cá nhân, đòi hỏi những thao tác lập luận tương đối đơn giản, bằng chứng để tìm kiếm; + Viết được văn bản thuyết

minh về những vấn đề gần gũi với đời sống và hiểu biết của HS với cấu trúc thông dụng; điền được một số mẫu giấy tờ, soạn được một số văn bản nhật dụng phức tạp hơn so với tiểu học. HS phải biết viết đúng quy trình, biết cách tìm tài liệu để đáp ứng yêu cầu viết văn bản; biết cách tạo lập và trình bày các văn bản điện tử thông dụng; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và biết cách trích dẫn văn bản của người khác.

- Về kỹ năng nói và nghe: Chương trình trước hết tập trung vào yêu cầu nói, cụ thể là: trình bày dễ hiểu, mạch lạc các ý tưởng và cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ điệu bộ thích hợp khi nói. HS phải có khả năng kể lại một câu chuyện đã đọc (đã nghe); biết cách trình bày, chia sẻ những trải nghiệm, cách nhìn, cảm xúc, ý tưởng và thái độ của mình đối với những vấn đề được nói đến; thảo luận ý kiến về một vấn đề, trước hết là những vấn đề được gọi lên từ các văn bản đã đọc (đã nghe); thuyết minh về một đối tượng hay quy trình. HS biết cách nói thích hợp với mục đích, đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; biết ứng dụng công nghệ thông tin và hình ảnh, kí hiệu, biểu đồ,... để trình bày vấn đề một cách hiệu quả. Về kỹ năng nghe, HS nghe hiểu với thái độ phù hợp và tóm tắt được nội dung; nhận biết và bước đầu đánh giá được lí lẽ, bằng chứng mà người nói sử dụng để thuyết phục người nghe, nhận biết được cảm xúc của người nói, từ đó biết cách phản hồi những gì đã nghe một cách hiệu quả" [1; tr 14-15].

2.2. Một số khái niệm

2.2.1. Năng lực ngôn ngữ

NLNN là một trong hai NL đặc thù của bộ môn *Ngữ văn*. Nói một cách đơn giản, NLNN là NL biểu đạt rõ ràng và mạch lạc ý nghĩ và tình cảm của mình bằng lời nói, cũng như nét mặt, cử chỉ, và điệu bộ. Người có NLNN là người giỏi về tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt) và thành thạo tiếng nước ngoài. Ở đây chỉ bàn đến NLNN tiếng Việt của HS qua việc học môn *Ngữ văn*.

Tiếp nối môn *Tiếng Việt* ở cấp tiểu học, môn *Ngữ văn* ở THCS được xem là môn học chủ đạo có thể giúp HS phát triển NLNN. NLNN của HS gồm 3 NL sau: - NL làm chủ ngôn ngữ tiếng Việt đòi hỏi HS phải có một vốn từ nhất định, hiểu và cảm nhận được sự giàu đẹp của tiếng Việt, nắm được quy tắc về từ ngữ, ngữ pháp, chính tả; - NL sử dụng tiếng Việt để giao tiếp đòi hỏi HS phải biết sử dụng thuần thục tiếng Việt trong nhiều tình huống khác nhau, môi trường khác nhau và đối tượng khác nhau; - NL sử dụng ngôn ngữ để tạo lập văn bản là NL rất quan trọng đối với HS trong nhà trường phổ thông.

Môn *Ngữ văn* ở trường phổ thông được xây dựng theo nguyên tắc tích hợp từ ba bộ phận kiến thức cơ bản: *Tiếng Việt*; *Đọc - hiểu văn bản* và *Làm văn*. Ngoài việc

hình thành các NL trong nhóm NL chung, môn *Ngữ văn* còn hình thành ở HS NL chuyên biệt của môn học. Để đáp ứng được mục tiêu đó, chương trình phải có khối hệ thống kiến thức tiếng Việt; sự đa dạng các thể loại văn bản. Như vậy, bên cạnh khối kiến thức nghệ thuật còn có khối kiến thức khoa học. Những khối kiến thức này có cách hình thành nhận thức mới, giá trị mới, xúc cảm mới hoàn toàn khác nhau. Vì vậy, người dạy cần tìm hiểu mức độ tương thích để tìm dạng thức trải nghiệm phù hợp với văn bản cụ thể. Tuy nhiên, với tư cách là bộ môn công cụ, bộ môn *Ngữ văn* có lợi thế đặc biệt trong việc tổ chức các HĐTN để phát triển các NL chung cũng như NL riêng cho HS.

2.2.2. Trải nghiệm

Trải nghiệm là hoạt động gắn với thực tiễn, thông qua thực tiễn để hình thành nên những khối kiến thức mới, những cảm xúc mới và những kỹ năng mới. Theo các nhà Tâm lí học, HĐTN của con người được chia thành 7 dạng; đó là: trải nghiệm vật chất, trải nghiệm tinh thần, trải nghiệm tình cảm, trải nghiệm tâm thần, trải nghiệm xã hội, trải nghiệm chủ quan và trải nghiệm mô phỏng [2].

HĐTN có thể được hiểu như một hình thức tổ chức giáo dục; một nội dung giáo dục; bản chất của một hoạt động hay tương đương một môn học trong chương trình... Nếu coi HĐTN là một hình thức tổ chức hoạt động dạy học thì đây là hoạt động mà HS được tham gia trực tiếp để chiếm lĩnh tri thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo; hình thành và phát triển NL của bản thân... Nếu coi HĐTN là một nội dung giáo dục thì HĐTN là tổng hòa các nội dung giáo dục được thiết kế theo mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách HS, như: đời sống xã hội, văn hóa - nghệ thuật, thể thao, vui chơi giải trí, khoa học kỹ thuật công nghệ, lao động hướng nghiệp; nếu coi HĐTN là một hoạt động thì đây là hoạt động trọn vẹn với đầy đủ chủ thể, mục đích, đối tượng và kết quả hoạt động; nếu coi HĐTN tương đương một môn học xuyên suốt trong chương trình thì đây là một môn học có đầy đủ nội dung, phương pháp, đánh giá... được thiết kế nhằm mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách HS, đây là môn học mà người học trực tiếp tham gia hoạt động, tự hình thành, bồi dưỡng, phát triển các NL chung và các NL đặc thù dưới sự hướng dẫn của người dạy.

2.3. Đặc trưng của hoạt động trải nghiệm trong bộ môn Ngữ văn - cơ sở để triển khai các hoạt động trải nghiệm phù hợp

Trong chương trình giáo dục phổ thông mới, các nhà giáo dục đề xuất tên gọi HĐTN ở cấp THCS và THPT là *Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp (HĐTN-HN)*. HĐTN-HN sẽ tạo cơ hội cho HS huy động, tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học, các lĩnh vực giáo dục

khác nhau để có thể trải nghiệm thực tiễn trong nhà trường, gia đình và xã hội; đồng thời giúp các em có cơ hội để tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng và hoạt động hướng nghiệp. Đặc biệt, tất cả các hoạt động này phải dưới sự hướng dẫn, tổ chức của nhà giáo dục; qua đó, hình thành những phẩm chất chủ yếu, những NL chung đã được xác định trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.

Các NL và phẩm chất chung này sẽ được thực hiện thông qua 3 mục tiêu của HĐTN-HN (*NL thích ứng với cuộc sống; NL thiết kế và tổ chức hoạt động; NL định hướng nghề nghiệp*). Trong khi thực hiện 3 mục tiêu NL này thì HĐTN-HN phải thực hiện luôn tất cả các mục tiêu về phẩm chất và NL của chương trình, tức là phẩm chất và NL cốt lõi.

HĐTN-HN được chia thành 4 nhóm nội dung (gồm: nhóm hoạt động phát triển cá nhân; nhóm hoạt động lao động, nhóm hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng; nhóm hoạt động giáo dục hướng nghiệp). 4 nhóm nội dung này sẽ được triển khai thực hiện thông qua 4 loại hình HĐTN trong nhà trường (gồm: sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động giáo dục theo chủ đề, hoạt động câu lạc bộ).

Với các loại hình hoạt động đó, nhà giáo dục chủ yếu sử dụng những hình thức và phương pháp trải nghiệm như sau: - *Hoạt động mang tính công hiến* (gồm các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, vì cộng đồng,...); - *Hoạt động có tính khám phá* như những chuyến đi thực địa, tham quan, dã ngoại,...; - *Hoạt động mang tính thể nghiệm*, trẻ được trải nghiệm và thể nghiệm mình luôn qua các hoạt động giao lưu, đóng kịch, sân khấu hóa,...; - *Hoạt động có tính nghiên cứu và phân hóa*, như những dự án, hoạt động nghiên cứu khoa học, các hoạt động câu lạc bộ có tính định hướng, phân hóa,... HĐTN-HN sẽ được tổ chức cả ở trong và ngoài lớp học, trong và ngoài nhà trường theo các quy mô: cá nhân, nhóm, lớp học, khối lớp hoặc quy mô trường.

Từ các đặc điểm trên, môn *Ngữ văn* ở THCS có thể thực hiện được hầu hết các dạng trải nghiệm đề xuất. Đây là cơ sở khoa học để triển khai các HĐTN phù hợp với nội dung môn *Ngữ văn*.

Hoạt động trải nghiệm trong bộ môn Ngữ văn về bản chất là một hình thức tổ chức dạy học của bộ môn - một nội dung giáo dục. Tuy nhiên, với tư cách là một môn học vừa có tính công cụ, vừa có tính thẩm mỹ - nhân văn, HĐTN trong bộ môn *Ngữ văn* cũng có thể được xem như một nội dung giáo dục: giáo dục phát triển bản thân, cộng đồng xã hội hoặc hướng nghiệp. Bộ môn *Ngữ văn* có khả năng thực hiện trải nghiệm trên hầu hết các dạng thức trải nghiệm của con người.

Ví dụ: - *Trải nghiệm vật chất* là dạng thức phù hợp đối với bộ môn *Ngữ văn* vì đây là những trải nghiệm có thể quan sát, bắt đầu từ các quan sát của HS về các hiện tượng tự nhiên, xã hội khi các em tham gia vào đời sống cộng đồng; những cảm xúc được hình thành từ những điều nhìn thấy; các đồ dùng trực quan hay những âm thanh, hình ảnh được trình chiếu bằng các phương tiện khoa học kỹ thuật; mẫu (bài tập, tình huống...) trong dạy học; cuộc đời và sự nghiệp của các tác giả văn học hay những người nổi tiếng;... - *Trải nghiệm tinh thần* có thể xem là dạng trải nghiệm phù hợp với những giá trị đặc trưng mà môn *Ngữ văn* có thể mang lại cho người học. Để trải nghiệm, trước hết người học cần phải tưởng tượng ra những bức tranh hiện thực được mô tả và mã hóa bằng ngôn ngữ hình tượng thông qua NL liên tưởng và tưởng tượng. Dạng trải nghiệm này, ngoài việc huy động kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, trình độ thẩm mỹ cá nhân, quan niệm sống... còn đưa lại phẩm chất quý giá trong hành trình sống của con người, đó chính là sự chia sẻ. Đây là phẩm chất khởi đầu để xây dựng đời sống tinh thần khoan dung, trí đức, có tác dụng chi phối và điều chỉnh các hành vi khiến con người trở nên thân thiện; - *Trải nghiệm tình cảm* được áp dụng trong quá trình dạy học cho mọi thể loại văn bản; nhằm xây dựng nên các hạt giống tinh thần, hình thành phẩm chất, lối sống mang tính lựa chọn; - *Trải nghiệm tâm thần* là dạng thức ít xảy ra trong môi trường giáo dục vì nó diễn ra khi có biến đổi, rối loạn tâm thần và trải nghiệm có được bằng cách uống rượu, uống thuốc hoặc sử dụng chất kích thích...; tuy nhiên, nó lại rất hữu ích trong hoạt động hướng nghiệp; - *Trải nghiệm xã hội* là một dạng thức được xem là nhu cầu thiết yếu của con người. Trải nghiệm xã hội qua nội dung môn *Ngữ văn* là cơ hội phát triển tâm lý nhận thức của HS, cải thiện các kỹ năng sống, biến quan tâm chia sẻ thành phẩm chất, nhưng quan trọng hơn là các em có thể tự xác định một số tiêu chí phát triển phù hợp với bản thân hài hòa trong mối quan hệ với điều kiện sống cụ thể của từng cá nhân HS; - *Trải nghiệm chủ quan* trong bộ môn *Ngữ văn* đưa lại cho chủ thể những cảm xúc hay trạng thái tâm lý phù hợp với nội dung trải nghiệm. Trải nghiệm chủ quan thể hiện NL người học ở khâu xử lý tình huống; - *Trải nghiệm mô phỏng*. Thông qua trải nghiệm này, HS có cảm giác thật hơn khi sắm vai các nhân vật để vượt rào cản tình huống. Đây cũng là sự tập dượt để người học có khả năng xử lý tốt một tình huống tương tự trong cuộc sống.

HĐTN trong bộ môn *Ngữ văn* rất phong phú và chi có thể đạt được hiệu quả như mong muốn nếu người dạy/người hướng dẫn biết kết hợp dạng thức trải nghiệm

phù hợp với chủ điểm hợp lí, phương pháp đa dạng, hình thức tổ chức dạy học phong phú, phương thức đánh giá chính xác và phương tiện hỗ trợ hiệu quả.

2.4. Phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trung học cơ sở qua hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn

Phát triển NLNN cho học sinh THCS chính là hướng dẫn HS đạt đến các chuẩn như yêu cầu của chương trình *Ngữ văn* đã nêu trên. Để có thể phát triển NLNN cho HS thông qua tổ chức HĐTN, người dạy/ người hướng dẫn cần:

2.4.1. Đưa mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ vào yêu cầu nhiệm vụ học sinh cần thực hiện trong thiết kế từng hoạt động trải nghiệm

Mỗi thiết kế thường có 3 đến 4 hoạt động dạy học, người hướng dẫn cần nhất quán các yêu cầu mục tiêu về ngôn ngữ cho các hoạt động. Các mục tiêu này cũng

được sắp xếp từ cụ thể đến khái quát, theo mức độ từ dễ đến khó.

Ví dụ, khi xây dựng giáo án cho chuyên đề “*Sân khấu hóa truyện dân gian*”, trong thiết kế tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học, người hướng dẫn luôn luôn đưa ra yêu cầu về NLNN để các em HS thực hiện. Trong quá trình này, người hướng dẫn có thể xây dựng một hệ thống câu hỏi từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp nhằm hỗ trợ, giúp HS nhận diện được mục tiêu cần đạt về mặt ngôn ngữ trong quá trình xây dựng kịch bản sân khấu: nên lựa chọn tác phẩm nào (về xã hội loài người thì ngôn ngữ tương ứng như thế nào, ngôn ngữ loại vật thì ngôn ngữ như thế nào), tác phẩm đó thuộc giai đoạn nào (giai đoạn cổ đại, trung đại thì cách sử dụng ngôn ngữ sẽ khác giai đoạn hiện đại như thế nào)....

Song song với việc xây dựng các nội dung hoạt động dạy học, người dạy/ người hướng dẫn cần đưa vào một số yêu cầu nhằm chú trọng phát triển các kĩ năng ngôn ngữ.

Thiết kế tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học chủ đề “Sân khấu hóa truyện dân gian”	Một số yêu cầu nhằm chú trọng phát triển các kĩ năng ngôn ngữ
<p>Hoạt động 1: Tìm kiếm và xử lí thông tin</p> <p>* Mục tiêu hoạt động: HS đọc và tìm hiểu lại những truyện dân gian đã học để nắm vững cốt truyện; tìm hiểu trang phục, ngôn ngữ, lối sống của người Việt thời đại Hùng Vương, thời Trung đại... thông qua sách giáo khoa Lịch sử 6, 7, Internet và các nguồn khác.</p> <p>* Hình thức hoạt động: nhóm HS từ 3-5 em, tìm kiếm thông tin trên Internet về chủ đề truyện dân gian Việt Nam.</p> <p>* GV giao nhiệm vụ: HS làm việc nhóm với sách giáo khoa, máy tính: - Đọc lại các truyện dân gian (sách giáo khoa <i>Ngữ văn</i> 6 tập 1). - Lựa chọn truyện dân gian sẽ chuyển thể thành kịch bản sân khấu. - Tìm hiểu sách giáo khoa Lịch sử 6, 7 và Internet... về trang phục, ngôn ngữ, lối sống của người Việt thời đại Hùng Vương, thời Trung đại: + Những bài viết, hình ảnh minh họa về trang phục. + Cách thức chuyển thể một tác phẩm truyện sang tiểu phẩm kịch và một số hình thức sân khấu khác. + Ví dụ một vài kịch bản sân khấu. GV: Hướng dẫn HS lập folder lưu lại các bài viết và hình ảnh đã tìm kiếm được hoặc ghi vào phiếu thông tin của nhóm hoặc cắt lưu lại những bài viết của tạp chí, báo...</p> <p>* HS tìm kiếm và xử lí thông tin và báo cáo sản phẩm: - Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm lựa chọn tìm kiếm thông tin trong sách giáo khoa, trên Internet theo các từ khóa: <i>trang phục thời Hùng Vương, Phương pháp, Kịch bản sân khấu, Hình thức sân khấu hóa truyện dân gian</i>... - Mỗi thành viên trong nhóm trình bày kết quả tìm kiếm theo các từ khóa được phân công.</p>	<p>- Cách lựa chọn từ ngữ chuẩn bị đã phù hợp chưa? (Ngôn ngữ sân khấu, thời xưa...?) - Cách tổ chức câu văn đã chính xác chưa? - Đã đạt mục đích giao tiếp chưa? (giao tiếp trong tác phẩm, giao tiếp với người xem, giao tiếp với đối tác cùng chuẩn bị). - Tác phong cử chỉ điệu bộ đã đủ/ đúng/ phù hợp chưa?</p> <p>Kết hợp với bộ công cụ đánh giá, cho HS tự đánh giá/ đánh giá lẫn nhau (đánh giá cá nhân, đánh giá tập thể) về các NLNN thể hiện trong hoạt động này.</p>

<p>- Cả nhóm thống nhất xây dựng các thông tin tìm được theo sơ đồ tư duy về hình thức sân khấu hóa truyện dân gian.</p> <p>GV kiểm tra: các phiếu thu thập thông tin, các tư liệu HS tìm được.</p> <p>Hướng dẫn HS xây dựng sơ đồ tư duy về các nội dung đã tìm kiếm được liên qua đến hình thức sân khấu hóa truyện dân gian dân gian.</p> <p>→ Định hướng sản phẩm báo cáo theo sơ đồ tư duy.</p> <p>Gợi ý: HS có thể tự phát hiện thêm các hình thức sân khấu hóa khác như: tiểu phẩm, tạp kỹ,...</p>	
<p>Hoạt động 2.</p> <p>...</p>	<p>Tiến hành tương tự</p>

Các yêu cầu về NLNN trong các hoạt động cần được nhất quán; đồng thời, sự đánh giá NLNN của cá nhân, tập thể tham gia hoạt động cần cụ thể. Thông qua đánh giá, HS sẽ tự đánh giá được bản thân, đánh giá được tập thể, đối tác... đã đáp ứng được bao nhiêu phần trăm yêu cầu của từng hoạt động và tổ chức rút kinh nghiệm. Nếu thực hiện một cách đầy đủ và cẩn thận các bước này, chắc chắn khả năng ngôn ngữ của HS sẽ thay đổi tích cực qua từng HĐTN.

2.4.2. Xây dựng một bộ công cụ đánh giá về năng lực sử dụng ngôn ngữ trong hoạt động trải nghiệm

Để có thể tổ chức đánh giá, hướng dẫn HS đánh giá một cách đầy đủ và khách quan người dạy/ người hướng dẫn cần xây dựng một bộ công cụ đánh giá về NL sử dụng ngôn ngữ trong HĐTN. Bộ công cụ này càng cụ thể, chi tiết thì khả năng đánh giá đối tượng càng chính xác; đồng thời những tiêu chí trong bộ công cụ đánh giá thực hiện luôn chức năng phân hóa đối tượng. Bộ công cụ phải đảm bảo đánh giá cụ thể, chi tiết trên các phương diện sau:

- *Đánh giá hiệu quả tác động của từ ngữ mà HS sử dụng trong sản phẩm các em xây dựng.* Cách lựa chọn từ ngữ để xây dựng văn bản có đúng/ phù hợp/ hay với kiểu loại văn bản mà các em hướng đến hay không? Mức độ tác động của việc sử dụng từ ngữ đó như thế nào? Mỗi văn bản/ đoạn văn mà các em tạo lập đều có mục đích khác nhau nên việc lựa chọn từ ngữ phụ thuộc vào mục đích đó và phục vụ tốt nhất cho đích đó. Đánh giá NL sử dụng từ ngữ trong HĐTN phải hướng đến đánh giá mức độ phù hợp giữa ngôn từ được dùng với nội dung văn bản. Khi có hệ thống tiêu chí đánh giá này thì các em buộc phải lựa chọn, cân nhắc việc sử dụng từ ngữ phù hợp để đạt hiệu quả tác động cao nhất.

- *Đánh giá phương pháp/ kĩ thuật tổ chức ngôn từ để thực hiện giao tiếp của HS.* Tiêu chí này đánh giá mức độ vận dụng từ ngữ vào tổ chức câu; nói cách khác, đánh giá kĩ năng, kĩ xảo trong việc sử dụng ngôn ngữ vào tổ chức giao tiếp của các em. Cách lựa chọn từ ngữ để xây dựng

một văn bản thể hiện khách quan; cách lựa chọn từ ngữ để xây dựng một văn bản chứa đựng thái độ của HS khi nói/ viết - tức là việc lựa chọn từ ngữ đó có phản ánh đầy đủ, chính xác thái độ và tình cảm của các HS hay không.

- *Đánh giá qua giao tiếp và bằng giao tiếp* - tiêu chí đánh giá rõ nhất NLNN của HS. Qua sản phẩm tạo ra trong HĐTN sáng tạo, HS có xây dựng được các mô hình giao tiếp hay không và hiệu quả đạt được như thế nào (tức là có thực hành được không, có xử lí tốt các tình huống xảy ra trong giao tiếp hay không?).

- *Đánh giá khả năng sử dụng ngôn ngữ trong các môi trường khác nhau* (trong nhóm, trong tổ, tại lớp, trên sân khấu...), *trong các thời điểm khác nhau* (chuẩn bị HĐTN sáng tạo/ trong HĐTN sáng tạo và sau HĐTN sáng tạo) vì NLNN của HS không được thể hiện hết trong một môi trường cụ thể nên phải nhìn nhận đánh giá các em qua các môi trường và thời điểm khác nhau mới cho kết quả chính xác và toàn diện.

Khi đưa ra các nhiệm vụ và yêu cầu HS làm việc thì đồng thời người dạy/ người hướng dẫn cần cung cấp cho các em bộ công cụ này để trong quá trình “lên khung” cho HĐTN thì bộ công cụ như một “sườn” tiêu chuẩn mà các em đạt được (từ thấp đến cao, tùy theo NL cá nhân). Trong quá trình làm việc, người dạy/ người hướng dẫn không chỉ dùng bộ công cụ này để đánh giá HS mà còn hướng dẫn HS sử dụng bộ công cụ để tự đánh giá bản thân và đánh giá đối tác trong cùng nhóm hoặc khác nhau. Quá trình tự đánh giá/ đánh giá lẫn nhau, trình bày kết quả đánh giá giúp các em phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; đồng thời nâng cao các NL trong nhóm NL chung như: NL giao tiếp và hợp tác; NL giải quyết vấn đề...

3. Kết luận

HĐTN là cầu nối để bộ môn *Ngữ văn* gắn kết với cuộc sống, biến các khối kiến thức sách vở thành khối kiến thức xã hội sống động; qua đó, hình thành nên các

(Xem tiếp trang 22)

con mèo túm lấy đuôi nó quăng đi, lần nào cũng bị nó cắn mà vẫn không chừa, ở lớp có mô hình con chó bạn ấy lại dùng tay tát vào nó”. Ở lứa tuổi này, đa số trẻ em đều thích chơi với động vật, đặc biệt là các con vật nuôi trong nhà. Nhiều khi làm đau vật nuôi nhưng trẻ lại không ý thức được đó là hành vi không nên làm, bởi vì, người lớn cũng ít khi đề ý và giáo dục hành vi này cho trẻ.

3. Kết luận

Hành vi gây hấn của trẻ mẫu giáo lớn trong các trường mầm non ở TP. Nam Định đang diễn ra với nhiều biểu hiện đa dạng, trẻ chủ yếu gây hấn với trẻ khác và người lớn, còn gây hấn với bản thân và động vật có ít biểu hiện hơn. Như vậy, hành vi gây hấn có thể xuất hiện từ rất sớm trong những năm đầu đời. Các nghiên cứu chỉ ra rằng, trẻ có hành vi gây hấn trong thời thơ ấu và vị thành niên thường có nguy cơ cao trở thành trẻ cá biệt, bị từ chối ở trường học, khó có thể duy trì được việc làm, trở thành tội phạm và khó kết hôn [4]. Do đó, việc nhận diện các biểu hiện của hành vi gây hấn để từ đó có biện pháp quản lý hành vi gây hấn ngay từ khi trẻ còn nhỏ sẽ có ý nghĩa giáo dục rất lớn đối với sự phát triển nhân cách của trẻ sau này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Thị Minh Đức (2013). *Hành vi gây hấn - Phân tích từ góc độ tâm lý học xã hội*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Nguyễn Văn Siêm (2003). *Từ điển Y học Anh - Pháp - Việt Tâm thần học và Tâm lý học*. NXB Từ điển Bách khoa.
- [3] Hồ Thị Thúy Hằng - Trần Thu Hương (2017). *Hành vi hung tính của trẻ mẫu giáo lớn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*. Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Tâm lý học Đông Nam Á lần thứ nhất - Hạnh phúc con người và phát triển bền vững. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr 395-402.
- [4] Nguyễn Thị Bích Hằng (2014). *Lối sống hành xử bạo lực, coi thường pháp luật của một số bộ phận giới trẻ Việt Nam hiện nay dưới góc nhìn từ hai bản năng Fros và Thanatos của S. Freud*. Tạp chí Triết học, số 7, tr 76-82.
- [5] Nguyễn Ánh Tuyết - Nguyễn Thị Như Mai - Đinh Thị Kim Thoa (2014). *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non (từ lọt lòng đến 6 tuổi)*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Gentile D. A. - Bushman B. J. (2012). *Reassessing media violence effects using a risk and resilience approach to understanding aggression*. Psychology of Popular Media Culture, Vol. 1, pp. 138-151.
- [7] Hurd H. D. - Gettlinger M. (2011). *Mothers' and teachers' perceptions of relational and physical*

aggression in preschool children. Early Child Development and Care, Vol. 181, pp. 1343-1359.

- [8] Kim K. J. - Sundar S. S. (2013). *Can interface features affect aggression resulting from violent video game play? An examination of realistic controller and large screen size*. Cyberpsychology, Behavior, and Social Networking, Vol. 16, pp. 329-334.

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGÔN NGỮ...

(Tiếp theo trang 32)

kiến thức xã hội sống động; qua đó, hình thành nên các kỹ năng sống, NL và phẩm chất cụ thể đối với người học thông qua các hoạt động thực tiễn mang tính tự chủ. Vì vậy, khi tổ chức các HĐTN, người dạy cần chú ý xây dựng các mục tiêu, yêu cầu cần đạt về NLNN và chú ý nghiên cứu các hình thức tổ chức phù hợp với nội dung chủ đề, nội dung kiến thức và đảm bảo tính vừa sức đối với HS THCS; đồng thời, cần phát huy vai trò chủ đạo của người dạy và sự tích cực chủ động của người học nhằm phát triển ở người học các NL chung cũng như NL đặc thù của bộ môn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2017). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*.
- [2] Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Dự thảo)*.
- [3] Bộ GD-ĐT (2017). *Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên trung học cơ sở hạng II*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Đinh Thị Kim Thoa (2012). *Tâm lý học dạy học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Nguyễn Trọng Hoàn (2001). *Rèn luyện tư duy sáng tạo trong dạy học tác phẩm văn chương*. NXB Giáo dục.
- [6] Nguyễn Trí - Nguyễn Trọng Hoàn (2001). *Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học Văn - Tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
- [7] Nguyễn Quang (2016). *Từ năng lực ngôn ngữ đến năng lực liên văn hóa*. Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 32, tr1-9. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] Phan Trọng Luận - Trương Đình (2011). *Phương pháp dạy học văn (tập 1)*. NXB Đại học Sư phạm.
- [9] Trần Anh Tuấn (2017). *Nâng cao năng lực sư phạm cho giáo viên thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo*. NXB Giáo dục Việt Nam.